



CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO MỚI CỦA TRUNG QUỐC

Nguồn: Medeiros, Evan S. & M. Taylor Fravel (2003). “China’s New Diplomacy”, *Foreign Affairs* (November-December), pp. 22-35.

Biên dịch: Nguyễn Thị Kiều Phương | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Không còn là nạn nhân

Mùa hè này, khi cuộc khủng hoảng hạt nhân ở Triều Tiên lên cao, hầu hết mọi con mắt đều đổ dồn về những đối thủ ở Washington và Bình Nhưỡng. Không được chú ý nhiều nhưng Bắc Kinh là một chủ thể thứ ba đóng vai trò quan trọng không kém. Trung Quốc, từ lâu kín tiếng về các vấn đề chính sách đối ngoại, nay đã mạnh dạn bước chân vào cuộc đối đầu bằng việc đình chỉ các chuyến tàu chở dầu thiết yếu đến Triều Tiên, gửi các đại diện cấp cao đến Bình Nhưỡng và di chuyển quân quanh biên giới Trung- Triều. Chính Trung Quốc đã tổ chức các cuộc đàm phán ba bên tại Bắc Kinh vào tháng Tư. Và từ đó tới nay Trung Quốc vẫn không giảm bớt áp lực. Mùa hè này, Trung Quốc đã bắt giữ một tàu Triều Tiên trong một tranh chấp “kinh tế”, còn Thứ trưởng Ngoại giao Đối Bình Quốc đã có các chuyến công tác con thoi giữa Bình Nhưỡng và Washington để đảm bảo rằng vòng đàm phán thứ hai sẽ được tiến hành.

Nhìn chung, những sáng kiến này thể hiện việc Trung Quốc đã chấm dứt hơn một thập kỷ bị động và đùn đẩy trách nhiệm trong vấn đề hạt nhân Triều Tiên. Chúng cũng báo hiệu một sự biến đổi lớn hơn nữa, mặc dù vẫn chưa được thừa nhận rộng rãi: sự trỗi dậy của Trung Quốc như là một chủ thể tích cực trên trường quốc tế. Trong những năm gần đây, Trung Quốc đã bắt đầu có cách tiếp cận ít đối đầu hơn, tinh vi hơn, tự tin hơn và đôi khi cũng mang tính xây dựng hơn đối với các vấn đề khu vực và toàn cầu. Ngược lại với một

Evan S. Medeiros là một nhà khoa học chính trị tại Tập đoàn RAND. M. Taylor Fravel là thành viên tại Viện Nghiên cứu Chiến lược Olin của Đại học Harvard.

thập kỷ trước, quốc gia đông dân nhất thế giới này giờ đây đã gần như hoạt động trong khuôn khổ hệ thống quốc tế. Trung Quốc đã chấp nhận đa số các thể chế, quy tắc và chuẩn mực quốc tế hiện hành như một phương tiện thúc đẩy lợi ích quốc gia của mình. Và Trung Quốc thậm chí còn tìm cách định hướng sự phát triển của hệ thống đó theo các cách thức nhất định.

Có rất nhiều bằng chứng cho sự thay đổi này. Từ giữa những năm 1990, Trung Quốc đã mở rộng các mối quan hệ song phương về lượng lẫn chất, gia nhập nhiều hiệp ước thương mại và an ninh, tham gia sâu hơn vào các tổ chức đa phương quan trọng, và giúp giải quyết các vấn đề an ninh toàn cầu. Việc quyết định các vấn đề quan trọng trong chính sách đối ngoại đã ít bị chi phối bởi các cá nhân và mang tính thể chế hóa hơn, và các nhà ngoại giao Trung Quốc cũng đã khéo léo hơn trong việc nói rõ mục tiêu của đất nước họ. Nói rộng hơn thì giới hoạch định chính sách đối ngoại của Trung Quốc ngày càng xem đất nước mình như một cường quốc đang trỗi dậy với những trách nhiệm và lợi ích khác nhau - không còn là một quốc gia đang phát triển mang “tâm lý nạn nhân” như trong thời kỳ của Mao Trạch Đông và Đặng Tiểu Bình nữa.

Tất nhiên không phải ai cũng đồng ý với đánh giá này. Nhiều nhà chiến lược và nghiên cứu Trung Quốc chỉ ra tình trạng tham gia hạn chế của Bắc Kinh trong cuộc khủng hoảng Iraq gần đây như là bằng chứng cho thấy các nhà lãnh đạo Trung Quốc vẫn giữ cách tiếp cận chủ yếu là bị động đối với các vấn đề thế giới. Theo quan điểm này thì Trung Quốc vẫn cố gắng tối đa hóa lợi ích của mình thông qua sự can dự tối thiểu ở nước ngoài, bằng việc ngồi không hưởng lợi trên hành động của các cường quốc lớn khác trong khi lên mặt rao giảng đạo đức. Tuy nhiên, những nhà phê bình này lại phớt lờ một sự thật không thể phủ nhận, đó là trong 10 năm qua, chính sách ngoại giao của Trung Quốc đã linh hoạt và mang tính can dự hơn nhiều so với bất cứ thời điểm nào trong lịch sử của nhà nước Cộng hòa nhân dân này.

Những sự thay đổi này có thể chậm và không rõ ràng, nhưng ý nghĩa của chúng là rất lớn. Và tác động của chúng đối với các quan hệ của Trung Quốc với cả Hoa Kỳ và cộng đồng quốc tế nói chung là hết sức quan trọng. Rốt cuộc, Trung Quốc giờ đây không chỉ chấp nhận nhiều thể chế và quy tắc quốc tế thông dụng, mà còn trở thành một chủ thể có năng lực và lão luyện trong trò chơi ngoại giao. Khi cơ hội hợp tác tồn tại, Bắc Kinh sẽ mang tới bàn đàm phán nhiều hơn so với trong quá khứ. Nhưng những sự phát triển này có thể dẫn đến một kết quả khác mà các nhà hoạch định chính sách Mỹ không được phép mơ hồ: Khi mở rộng ảnh hưởng và cải thiện ngoại giao, Trung Quốc cũng sẽ giỏi hơn trong việc bảo vệ các lợi ích của mình - thậm chí khi chúng mâu thuẫn với các lợi ích của Mỹ.

Trung Quốc can dự

Theo nghĩa nào đó, sự tiến hóa trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc đã bắt đầu hơn một thập kỷ trước khi Đặng Tiểu Bình, với vai trò là nhà lãnh đạo tối cao, phát động phong

trào “cải cách và mở cửa” vào cuối những năm 1970, khởi xướng sự chuyển đổi lớn về đối ngoại đầu tiên của Trung Quốc. Trước Đặng Tiểu Bình, Mao Trạch Đông đã bác bỏ những quy tắc của hệ thống quốc tế và tìm cách lật đổ nó, thay vào đó họ theo đuổi sự thay đổi thông qua cách mạng. Chính sách đối ngoại của Mao được biết đến với ngôn ngữ khoa trương, sự đối đầu mạnh mẽ với các siêu cường (Hoa Kỳ và Liên Xô), gắn kết mật thiết với các nước đang phát triển, tương đối cô lập với các tổ chức quốc tế và chính sách kinh tế tự cung tự cấp.

Đặng đã dẫn dắt Trung Quốc theo chiều hướng ngược lại. Để tạo điều kiện hiện đại hóa nền kinh tế, ông đã đẩy mạnh quan hệ với cộng đồng quốc tế. Trung Quốc đã mở rộng vị thế quốc tế của mình bằng việc gia tăng đáng kể sự tham gia vào các tổ chức liên chính phủ và phi chính phủ, đặc biệt là các tổ chức tài chính, và dần dần thoát ra khỏi sự cô lập thời kỳ Mao.

Tuy nhiên, sự chuyển đổi của Đặng chỉ mang tính cục bộ và sự tham gia của Trung Quốc vào cộng đồng quốc tế vẫn chưa nhiều trong suốt nhiệm kỳ của ông. Thực tế, Bắc Kinh đã tìm cách có được nhiều quyền và đặc quyền của một cường quốc mà không chấp nhận hầu hết các nghĩa vụ và trách nhiệm đi kèm. Động thái này đặc biệt dễ thấy trong các tổ chức liên chính phủ như Liên Hiệp Quốc. Quá trình xây dựng chính sách đối ngoại dưới thời Đặng vẫn mang tính tập trung hóa cao. Các nhà ngoại giao Trung Quốc vẫn chưa được đào tạo bài bản và còn thiếu kinh nghiệm. Tệ hơn nữa, bản thân nội dung chính sách thực tế của Trung Quốc cũng thường mơ hồ và khó tiếp cận.

Ngược lại, ngày nay, tình hình đã cải thiện đáng kể; cách tiếp cận của Trung Quốc đối với các quan hệ song phương, các tổ chức đa phương và các vấn đề an ninh phản ánh một sự khéo léo và linh hoạt mới. Những sự thay đổi này cho thấy một sự cố gắng của các nhà lãnh đạo gần đây để thoát ra khỏi sự cô lập sau sự kiện Thiên An Môn, xây dựng lại hình ảnh của họ; bảo vệ và nâng cao lợi ích kinh tế của Trung Quốc, củng cố an ninh. Chúng cũng cho thấy một nỗ lực nhằm đối trọng lại ảnh hưởng của Mỹ trên toàn thế giới. Sự nổi trội của các động cơ này thay đổi trong các phát biểu công khai của Trung Quốc theo thời gian, nhưng chúng vẫn duy trì ảnh hưởng lâu dài trong các tính toán của Bắc Kinh.

Sự chuyển đổi gần đây hơn bắt đầu vào đầu những năm 1990 cùng với xu thế mở rộng các liên kết song phương của Bắc Kinh. Từ năm 1990 đến 1994, Trung Quốc đã bình thường hóa hoặc thiết lập quan hệ ngoại giao với 18 quốc gia, cũng như với các quốc gia thừa kế Liên Xô. Sau đó, vào những năm 1990, Trung Quốc bắt đầu dựa trên các mối quan hệ mới này để thiết lập nhiều cấp độ quan hệ đối tác nhằm tạo điều kiện cho hợp tác kinh tế và an ninh và để đối chọi lại hệ thống các đồng minh khu vực của Hoa Kỳ. Đỉnh cao của quá trình này là Hiệp ước Láng giềng Thân thiện, Hữu nghị và Hợp tác giữa Trung Quốc và Nga được ký năm 2001.

Trong suốt thời kỳ này, Bắc Kinh cũng đã bắt đầu bỏ đi ác cảm trước đó đối với các thể chế đa phương mà Đặng đã luôn lo sợ là có thể được sử dụng để trừng phạt hoặc cưỡng ép Trung Quốc. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc cũng đã bắt đầu nhận ra rằng những tổ chức như thế có thể giúp quốc gia của họ đẩy mạnh các lợi ích thương mại và an ninh và hạn chế ảnh hưởng của Mỹ. Vì vậy, từ nửa sau những năm 1990, Trung Quốc đã bắt đầu can dự cùng Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Năm 1995, Bắc Kinh bắt đầu tổ chức các cuộc họp thường niên với các quan chức cấp cao ASEAN. Hai năm sau, Trung Quốc giúp khởi xướng cơ chế “ASEAN+3”, một loạt các cuộc gặp thường niên giữa 10 quốc gia ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc. Tiếp đến là cơ chế “ASEAN+1” và các cuộc họp thường niên giữa ASEAN và Trung Quốc, thường được đứng đầu bởi Thủ tướng Trung Quốc. Trung Quốc cũng đã tham gia sâu sắc hơn vào diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC), làm chủ nhà tổ chức hội nghị thượng đỉnh lần thứ 9 của diễn đàn này ở Thượng Hải vào năm 2001.

Trong khi đó, tại Trung Á, Trung Quốc đã dẫn dắt sự thành lập nhóm đa phương đầu tiên trong khu vực, Tổ chức Hợp tác Thượng Hải. Được thành lập để giải quyết các tranh chấp lãnh thổ lâu dài và giải trừ quân bị vùng biên giới, tổ chức này ngày nay nhấn mạnh hợp tác chống khủng bố và thương mại khu vực.

Trung Quốc cũng đã chuyển hướng chú ý đến việc cải thiện mối quan hệ với châu Âu. Năm 1996, Trung Quốc là một thành viên sáng lập Hội nghị Á- Âu (ASEM) tổ chức các hội nghị thượng đỉnh 2 năm 1 lần cho các nguyên thủ quốc gia và các cuộc họp cấp bộ trưởng hàng năm. Hai năm sau, Trung Quốc và Liên minh Châu Âu cũng đã khởi xướng một chương trình đối thoại chính trị hàng năm. Đáng kể nhất, Bắc Kinh thậm chí đã tiếp cận NATO lần đầu tiên vào cuối năm ngoái. Đề xuất của Trung Quốc là bắt đầu một loạt các cuộc đối thoại với NATO. Đề xuất này có thể là khiêm tốn nhưng nó đánh dấu một sự từ bỏ đầy ý nghĩa đối với truyền thống chỉ trích các liên minh do Mỹ đứng đầu của Trung Quốc. Tuy nhiên, hành động này không nên bị hiểu lầm là một sự chào đón mới của Trung Quốc đối với an ninh tập thể; nó cũng có thể nhắm vào việc giám sát và khai thác một cách hợp lý các mâu thuẫn bên trong liên minh xuyên Đại Tây Dương này, đặc biệt là liên quan đến sự can dự của NATO ở Trung Á.

Trong những năm 1990, Trung Quốc cũng có những hành động nhằm giải quyết một số tranh chấp lãnh thổ trước đây đã gây ra căng thẳng với các nước láng giềng. Từ năm 1991, Trung Quốc đã dàn xếp các cuộc xung đột biên giới với Kazakhstan, Kyrgyzstan, Lào, Nga, Tajikistan và Việt Nam - và đôi khi cũng chấp nhận những điều kiện kém thuận lợi hơn so với những gì nó có thể đạt được. Thực tế, trong hầu hết những thỏa thuận này, Trung Quốc chỉ nhận được 50% lãnh thổ tranh chấp hoặc ít hơn; ví dụ như trong việc giải quyết tranh chấp lâu dài về dãy núi Pamir mà Tajikistan được thừa hưởng từ Liên Xô, Trung Quốc chỉ nhận được 1.000 trong số 28.000 km² tranh chấp.

Quan hệ với Ấn Độ, một trong những đối thủ lâu năm của Trung Quốc (hai nước đã tiến hành một cuộc chiến tranh biên giới vào năm 1962), cũng đã được cải thiện. Mặc dù cả hai bên vẫn không thể chính thức giải quyết những khác biệt nhưng những căng thẳng tại vùng biên giới đang tranh chấp của họ đã giảm đáng kể, nhờ những thỏa thuận xây dựng lòng tin và cắt giảm quân đội ký vào những năm 1990. Nga và các quốc gia Trung Á cũng đã đạt được những thỏa thuận tương tự. Kết quả là biên giới đất liền của Trung Quốc, nơi nước này từng tham gia nhiều cuộc chiến tranh lớn, chưa bao giờ được an toàn hơn lúc này.

Tương tự, Bắc Kinh cũng đã chọn một cách tiếp cận thực tế hơn đối với việc kiểm soát những tranh chấp lãnh thổ ngoài khơi, như các tranh chấp đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và Senkaku. Mặc dù vẫn bám vào những tuyên bố đòi chủ quyền trên những quần đảo này nhưng Trung Quốc đã nhiều lần cam kết sẽ giải quyết các tranh chấp một cách hòa bình dựa trên luật quốc tế. Sau bốn năm đàm phán, ASEAN và Trung Quốc đã ký một bản tuyên bố được chờ đợi từ lâu về các quy tắc ứng xử đối với các vấn đề này vào năm 2002. Điều đáng nói là văn bản cuối cùng bao gồm hầu hết các đề xuất do ASEAN đưa ra mà không có nhiều các đề xuất của Trung Quốc.

Có lẽ đáng ngạc nhiên hơn là Trung Quốc thậm chí đã bắt đầu xúc tiến những sáng kiến nhằm giải quyết các vấn đề an ninh trong các diễn đàn mà Hoa Kỳ đóng vai trò chính. Tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN 2003, Trung Quốc đã đề xuất thành lập một cơ chế an ninh mới. Trong khuôn khổ của Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF), cơ chế cho các thảo luận an ninh của tổ chức này, Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Lý Triệu Tinh đã đề xuất tổ chức một hội nghị nhằm gia tăng sự giao tiếp giữa các quân đội châu Á. Hành động này thể hiện một sự thay đổi đáng chú ý so với lập trường của Trung Quốc chỉ cách đây một thập niên, khi mà nước này luôn né tránh bất cứ các cuộc thảo luận an ninh nào với ASEAN, chứ chưa nói đến các cuộc thảo luận giữa các quân đội với nhau.

Trong khi đó, Trung Quốc cũng đã tăng cường tham gia các hoạt động của Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc. Đến giữa những năm 1990, Trung Quốc thường xuyên bỏ phiếu trắng trong các nghị quyết của Hội đồng có viện dẫn Chương VII của Hiến chương Liên Hiệp Quốc, trong đó cho phép sử dụng vũ lực, nhằm tỏ rõ thái độ phản đối với việc làm xói mòn chủ quyền quốc gia mà các nghị quyết như vậy có thể gây ra. Tuy nhiên, những năm gần đây, Bắc Kinh đã bắt đầu ủng hộ các biện pháp như vậy. Ví dụ, vào tháng 11/2002, quốc gia này đã bỏ phiếu ủng hộ Nghị quyết 1441 về việc thanh tra vũ khí ở Iraq, một trong số những lần hiếm hoi mà Trung Quốc đã ủng hộ một biện pháp dựa trên Chương VII kể từ khi nước này tham gia Liên Hiệp Quốc vào năm 1971. Bắc Kinh cũng đã gia tăng sự tham gia của mình vào các hoạt động giữ gìn hòa bình, hỗ trợ các đội quân ở Đông Timor, Congo, và nhiều nơi khác.

Sự quan tâm và tham gia của Trung Quốc trong việc kiểm soát vũ khí toàn cầu và các vấn đề chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đã trải qua một sự chuyển đổi quan trọng không kém. Trong hầu hết thập kỷ 1980, Bắc Kinh xem việc kiểm soát vũ khí và chống phổ

biến vũ khí hủy diệt hàng loạt là trách nhiệm của Mỹ và Liên Xô, và coi chúng như là những nỗ lực nhằm hạn chế ảnh hưởng của Trung Quốc. Tuy nhiên, kể từ đó Trung Quốc đã phê chuẩn một số hiệp định kiểm soát vũ khí và hạn chế vũ khí hủy diệt hàng loạt, bao gồm Hiệp ước không Phổ biến Vũ khí Hạt nhân và Công ước về Vũ khí Hóa học. Trung Quốc cũng đã đồng ý tuân theo các quy định cơ bản của Cơ chế Kiểm soát Công nghệ Tên lửa. Quốc gia này cũng đã ký Hiệp ước Cấm Thử nghiệm Vũ khí Hạt nhân Toàn diện vào năm 1996, mặc dù Bắc Kinh vẫn còn nhu cầu thử nghiệm đáng kể liên quan trực tiếp tới nỗ lực hiện đại hóa kho đầu đạn hạt nhân của mình.

Cuối cùng, mặc dù các công ty Trung Quốc vẫn tiếp tục cung cấp các thiết bị lưỡng dụng đáng quan ngại cho một số nước (như Pakistan và Iran), nhưng phạm vi, nội dung và tần suất của việc xuất khẩu các thiết bị liên quan đến vũ khí nhạy cảm đã giảm xuống. Vào nửa sau những năm 1990, chính quyền Trung Quốc đã bắt đầu thể chế hóa các cam kết hạn chế vũ khí hủy diệt hàng loạt của mình bằng cách kiểm soát xuất khẩu, một xu thế vẫn tiếp diễn trong những năm gần đây. Hơn nữa, cộng đồng ngày càng lớn các quan chức, nhà khoa học, sĩ quan quân đội và các học giả Trung Quốc tham gia nghiên cứu và hoạch định chính sách kiểm soát vũ khí và hạn chế vũ khí hủy diệt hàng loạt đã làm các nhà lãnh đạo cấp cao hiểu rõ hơn tầm quan trọng của vấn đề này đối với tổng thể chính sách đối ngoại và an ninh quốc gia.

Sự điều chỉnh nhất thời?

Thậm chí cách tiếp cận gần đây của Bắc Kinh đối với vấn đề Đài Loan - thách thức an ninh lớn nhất và vấn đề chính sách đối ngoại nhạy cảm nhất của Trung Quốc lâu nay - tiết lộ một sự tự tin và khéo léo đang lớn dần. Từ giữa những năm 1990 đến đầu năm 2001, các chính sách của Trung Quốc về quan hệ giữa hai bờ eo biển còn chưa chắc chắn và mang tính đối phó. Quá lo lắng việc Đài Loan đang dần dần đi đến độc lập khiến cho Bắc Kinh đã nhìn nhận nhiều vấn đề ngoại giao không liên quan (như trong nhiều mối quan hệ của nó với các quốc gia thứ ba) thông qua lăng kính đơn lẻ này. Và đối với riêng Đài Loan, Trung Quốc đã tập trung hơn vào các biện pháp mang tính áp đặt nhằm ngăn chặn sự độc lập của hòn đảo này hơn là khuyến khích sự thống nhất hay giảm căng thẳng. Các quan chức Trung Quốc đã kịch liệt phản đối mọi sự cải thiện trong quan hệ quân sự Mỹ-Đài và hòn đảo này luôn là điểm nhấn lớn nhất trong quan hệ Mỹ- Trung.

Tuy nhiên, cách tiếp cận này đã phản tác dụng. Ví dụ, khi tiến hành những cuộc thử nghiệm tên lửa hiếu chiến vào năm 1995 và 1996 với hi vọng đe dọa các lãnh đạo Hoa Kỳ và Đài Loan, Trung Quốc đã nhận được một kết quả ngược lại: Hoa Kỳ đã gửi hai tàu sân bay đến eo biển Đài Loan và sự ủng hộ Tổng thống đương nhiệm Lý Đăng Huy đã tăng lên. Các cuộc diễn tập quân sự và chính sách ngoại giao hiếu chiến cũng đã phá hủy hình tượng của Trung Quốc trong khu vực, cụ thể là đối với các quốc gia Đông Nam Á.

Bắc Kinh đã phạm sai lầm tương tự bốn năm sau đó. Năm 2000, Trung Quốc đã công bố một sách trắng về vấn đề Đài Loan, tuyên bố rằng việc trì hoãn vô thời hạn các cuộc đàm phán giữa hai bên có thể khiến Trung Quốc phải sử dụng các “biện pháp quyết liệt”, kể cả vũ lực. Có lẽ một trong những mục tiêu của Bắc Kinh là thiết lập một khung thời gian (dẫu không cụ thể) cho sự thống nhất. Nhưng kết quả là một vài tháng sau đó, Đài Loan bầu ra Tổng thống đầu tiên từ một đảng đối lập ủng hộ độc lập.

Hai năm qua, Trung Quốc cuối cùng cũng có vẻ đã bắt đầu rút ra được bài học, thay thế sách lược hiếu chiến và áp đặt bằng sự kiên nhẫn và ôn hòa. Vì vậy, Bắc Kinh đã từ bỏ những nỗ lực nhằm tạo nên một kế hoạch cứng rắn cho việc tái thống nhất và làm dịu bớt các đe dọa dùng vũ lực quân sự. Thay vào đó, Trung Quốc có vẻ quan tâm hơn với việc thuyết phục Đài Loan bằng các cơ hội kinh tế (trong khi vẫn mài sắc hơn nữa các công cụ mang tính áp đặt). Hơn thế nữa, các nhà lãnh đạo Trung Quốc không còn chống lại mọi tiến triển trong quan hệ quân sự Mỹ- Đài. Trong thực tế, các quan chức cấp cao Trung Quốc đã ngừng đề cập đến vấn đề này mỗi khi gặp gỡ những người đồng cấp phía Hoa Kỳ.

Điều này không có nghĩa là Bắc Kinh đã từ bỏ mục tiêu cuối cùng là tái thống nhất với hòn đảo này. Cách xử lý nặng tay của Trung Quốc đối với khủng hoảng SARS ở Đài Loan, cũng như những cố gắng bèn bỉ của nước này trong việc từ chối tư cách thành viên Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) của Đài Loan, gần đây đã khiến nhiều người nghi ngờ chiều sâu của sự chuyển đổi này. Nhưng nói chung, sách lược của Trung Quốc đã thay đổi - ít ra là vào thời điểm này. Với sự bùng nổ của các liên kết kinh tế giữa hai bờ eo biển và những vấn đề tài chính gần đây của Đài Loan, các nhà lãnh đạo Trung Quốc tin tưởng rằng thời gian đang ủng hộ họ và ảnh hưởng của họ đối với Đài Loan đang lớn dần. Cho đến nay, đây vẫn là niềm tin mong manh. Nhưng Washington đã giúp giải quyết các vấn đề bằng cách lựa chọn các chính sách vừa trấn an, vừa răn đe cả Bắc Kinh lẫn Đài Bắc.

Hoạch định chính sách mang màu sắc Trung Quốc

Khi Mao còn sống, Trung Quốc đã đưa ra hầu hết các quyết định trong chính sách đối ngoại của mình theo cách mà gia đình Corleone trong phim *Bố già [The Godfather]* đã làm: đó là, Mao tự mình đưa ra quyết định cuối cùng với Chu Ân Lai làm quân sư. Quy trình này đã cởi mở hơn một chút dưới thời Đặng, khi quan hệ của Trung Quốc với cộng đồng quốc tế tăng nhanh về số lượng, nhưng quyết định cuối cùng vẫn mang tính tập trung cao. Dù vậy, ngày nay, quy trình hoạch định chính sách đối ngoại ở Trung Quốc ngày càng được thể chế hóa và phi tập trung hơn, và ít phụ thuộc hơn nhiều vào bất kỳ cá nhân lãnh đạo nào.

Một trong những thay đổi then chốt là sự gia tăng vai trò của cái được biết đến ở Trung Quốc như là “các nhóm lãnh đạo nhỏ”: các cơ quan phối hợp liên ngành về các vấn đề chính sách then chốt. Cuối năm 2000, Bắc Kinh thành lập Nhóm Lãnh đạo An ninh Quốc

gia (*Guojia Anquan Lingdao Xiaozu*), và các cơ quan như thế này đang lan tỏa khắp hệ thống này, hạn chế quyền lực của bất kỳ cá nhân hoặc phe phái nào.

Trung Quốc cũng đã có những hoạt động làm đa dạng hóa nguồn phân tích chính sách nhận được từ bên ngoài lẫn bên trong chính phủ. Ví dụ, bộ phận hoạch định chính sách của Bộ Ngoại giao vừa được tổ chức lại đóng một vai trò nổi bật như một cơ quan nghiên cứu và tư vấn chính sách (think tank) nội bộ, và bộ cũng đã bắt đầu thuê những chuyên gia bên ngoài để tham vấn các vấn đề kỹ thuật như chống phổ biến vũ khí hàng hủy diệt hàng loạt và phòng thủ tên lửa. Các học giả và các nhà phân tích chính sách của Trung Quốc thường xuyên tham gia các nhóm nghiên cứu nội bộ, viết báo cáo và soạn thảo các tóm tắt chính sách. Những học giả và chuyên gia phân tích này thường đi nước ngoài, tương tác với các chuyên gia quốc tế trong lĩnh vực của họ, và giúp các lãnh đạo Trung Quốc nhạy bén hơn với các xu thế quốc tế cũng như trình bày cho họ một loạt các lựa chọn chính sách khác nhau.

Một nhân tố khác giúp mở rộng quy trình hoạch định chính sách đối ngoại của Trung Quốc là việc thảo luận công khai ngày càng nhiều về các vấn đề toàn cầu. Các cuộc tranh luận mở về các vấn đề nhạy cảm như hạn chế vũ khí hủy diệt hàng loạt và phòng thủ tên lửa thậm chí chưa từng được nghe đến trong 10 năm trước. Ngày nay, các chuyên gia đề cập tới tất cả các vấn đề này trong các bài xã luận, các chương trình trò chuyện trên TV, và trong các cuốn sách nhằm gây ảnh hưởng và định hình chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Trong khi đó, các phương tiện thông tin đại chúng của Trung Quốc, bao gồm cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản, tờ *Nhân dân Nhật báo*, đã bắt đầu xuất bản thường xuyên các thảo luận bàn tròn giữa các nhà phân tích vốn gần đây đã mạnh dạn lên tiếng này. Một vài tờ báo, đặc biệt là tờ *Hoàn cầu Thời báo*, hay *Nam Phương cuối tuần*, thậm chí đã xuất bản các bài xã luận đề xuất các phương án thay thế cho chính sách chính thức của các đảng, ví dụ như các chính sách liên quan đến Triều Tiên.

Đối với các quan chức thi hành chính sách ngoại giao ngày càng tinh vi của Trung Quốc, họ cũng ngày càng khôn khéo và thao lược, vốn là kết quả của một chương trình đào tạo tích cực được Bộ Ngoại giao khởi xướng hơn 20 năm trước vào thời kỳ mới bắt đầu cải cách. Hầu hết các nhà ngoại giao cấp cao và cấp trung gần đây của Trung Quốc đã có khoảng thời gian đáng kể đi luân chuyển ở nước ngoài, nói lưu loát ít nhất một ngoại ngữ và có bằng sau đại học từ các trường đại học Mỹ và châu Âu. Bộ Ngoại giao cũng tuyển các nhân viên trung tuổi điều chuyển từ các cơ quan khác sang nhằm tăng cường chuyên môn trong các lĩnh vực khác nhau.

Đi kèm với những thay đổi về chất này là một chiến dịch quảng bá và thúc đẩy chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Trong những thập niên trước, các tranh luận và tóm lược chính sách thường được chuyển đăng trong các bản tin nghèo thông tin của Tân Hoa xã và *Nhân dân Nhật báo*, hay các tờ bướm nhỏ của Bộ Ngoại giao. Gần đây, điều này đã thay đổi khi Bắc Kinh nhận thức được tầm quan trọng của việc tiếp thị các quan điểm của mình nhằm

củng cố hình ảnh quốc tế của Trung Quốc. Do đó, vào giữa những năm 1990, Trung Quốc đã bắt đầu phát hành các sách trắng của chính phủ về các chủ đề chính sách ngoại giao gây tranh cãi nhằm làm rõ và bảo vệ lập trường của mình. Trung Quốc đến nay đã cho phát hành hơn 30 tài liệu loại này, bao trùm nhiều vấn đề nhạy cảm, như kiểm soát dân số, nhân quyền, Đài Loan, Tây Tạng, và quốc phòng.

Trung Quốc cũng đang sử dụng internet để làm minh bạch hơn chính sách đối ngoại của mình. Tất cả các sách trắng hiện nay đều có sẵn trên trang mạng của Văn phòng Thông tin Quốc vụ viện (www.china.org.vn), và Bộ Ngoại giao cũng đưa ra một kho dữ liệu hữu ích trên trang của mình (www.fmprc.gov.cn), bao gồm các miêu tả chi tiết lập trường về các vấn đề khu vực và bản ghi nội dung các cuộc họp báo cũng như các bài phát biểu quan trọng. Mặc dù nhiều tài liệu trong số này chỉ mang tính nhảm chán và rập khuôn nhưng chúng cũng đã cung cấp một số chi tiết cũng như giúp người đọc tiếp cận ở một mức độ nhất định với tư duy chính sách chính thức của Trung Quốc, điều đã không bao giờ xảy ra dưới thời của Mao hay Đặng.

Cùng với những thay đổi nội bộ này, Trung Quốc cũng đã có một phương pháp tương tác với giới báo chí thế giới khéo léo hơn. Năm 1999, Bộ Ngoại giao đã mở một trung tâm thông tin quốc tế hiện đại, nơi diễn ra các cuộc họp báo hai tuần một lần được thông dịch trực tiếp. Theo các phóng viên quốc tế, các câu hỏi hóc búa nhất được đặt ra và thường nhận được các câu trả lời thực sự, tuy rằng vẫn nằm trong giới hạn chật hẹp mà các chính sách sách công khai của Trung Quốc cho phép. Các quan chức cấp cao của bộ ngoại giao cũng mời các nhà báo tới dự các buổi cung cấp thông tin nên không chính thức trước khi ban hành các văn bản chính sách quan trọng hoặc sau các cuộc họp thượng đỉnh song phương, như chuyến đi của Giang Trạch Dân đến Crawford, Texas vào tháng 11/2002. Những bước đi như thế cho thấy sự chuyển hướng quan trọng đối với một quốc gia từng nổi tiếng bí mật trong các vấn đề đối ngoại.

Cuối cùng, các lãnh đạo cấp cao của Trung Quốc cũng đã bắt đầu thúc đẩy các chính sách của họ thông qua các chuyến công du nước ngoài thường xuyên. Suốt những năm 1990, Giang Trạch Dân, Lý Bằng và Chu Dung Cơ đã gia tăng các chuyến đi đến hầu hết các châu lục và đặc biệt là đến những khu vực khác của châu Á. Những người kế nhiệm của họ, được chỉ định vào tháng 11/2002, thậm chí có xu hướng quốc tế hơn và đã dành nhiều thời gian công du nước ngoài hơn. Theo một báo cáo, các thành viên mới của Ủy ban Thường vụ Bộ Chính trị đã có hơn 40 chuyến đi nước ngoài trước khi được bổ nhiệm. Ngược lại, Mao chỉ rời Trung Quốc hai lần trong suốt cuộc đời (cả hai lần đều sang thăm Liên Xô), và Đặng cũng chỉ đi công du nước ngoài với tư cách là lãnh đạo hàng đầu Trung Quốc trong một vài lần mà thôi.

Tư duy nước lớn

Những thay đổi chung trong nội dung, đặc điểm, cách thi hành chính sách ngoại giao của Trung Quốc trong 10 năm qua tiêu biểu cho một sự chuyển biến quan trọng, từ bỏ cách tiếp cận hẹp và mang tính đối phó của Bắc Kinh đối với các vấn đề toàn cầu vào cuối những năm 1980 đầu những năm 1990. Tuy nhiên, những thay đổi đáng kể hơn có lẽ vẫn đang diễn ra.

Trong 3 năm qua, và đặc biệt là từ sau 11/09/2001, các bài viết của các chiến lược gia Trung Quốc đã bắt đầu phản ánh một thay đổi quan trọng trong cách nhìn của họ đối với hệ thống quốc tế và vai trò của Trung Quốc trong hệ thống đó. Ví dụ, các báo và tạp chí lớn của Trung Quốc gần đây đã cho đăng nhiều bài báo mang tính gợi mở, ủng hộ việc Trung Quốc từ bỏ “tâm lý nạn nhân” (*shouhai zhe xintai*) lâu nay. Các tác giả bác bỏ việc thường xuyên nhấn mạnh “150 năm ô nhục” của Trung Quốc như là lãng kính chính mà qua đó người Trung Quốc nhìn nhận quốc gia của họ trong các vấn đề quốc tế hiện đại. Thậm chí Giang cũng đã kín đáo ủng hộ quan điểm này trong một bài diễn văn quan trọng đánh dấu kỷ niệm lần thứ 80 ngày thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc vào tháng 7/2001. Thay vào đó, các nhà phân tích có ảnh hưởng của Trung Quốc đã bắt đầu cổ vũ cho việc nước này lựa chọn một “tâm thế nước lớn” (*dagou xintai*). Khái niệm mới nổi này sẽ thay thế tâm lý nạn nhân của Trung Quốc với một niềm tin được mang lại bởi hai thập kỷ tăng trưởng kinh tế ấn tượng cùng với một sự công nhận ngầm về việc nước này không muốn nhận trách nhiệm quốc tế trong quá khứ cũng như những hạn chế trong ảnh hưởng quốc tế gần đây của Trung Quốc.

Một sự mở rộng tự nhiên của những ý tưởng này là sự nhấn mạnh đang gia tăng của Trung Quốc đối với việc coi các mối quan hệ nước lớn (*dagou guanxi*) như là một ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại. Các chiến lược gia Trung Quốc ngày càng nhìn nhận lợi ích của họ gần hơn với các siêu cường lớn và ít gắn bó hơn với lợi ích của các quốc gia đang phát triển, vốn đã bị hạ xuống mức ưu tiên thấp hơn. Riêng sự thay đổi này đã thể hiện một sự chuyển biến nhận thức đáng kể so với những năm 1990, khi mà nhiều người Trung Quốc vẫn nghĩ quốc gia của họ bị chèn ép quyền lợi bởi quá trình toàn cầu hóa, các siêu cường khác cũng như các diễn đàn đa phương. Các quan chức Trung Quốc giờ đây nói công khai về nhu cầu “chia sẻ trách nhiệm toàn cầu” giữa các siêu cường - bao gồm cả Trung Quốc. Phản ánh những thay đổi này, Chủ tịch Hồ Cẩm Đào đã trở thành lãnh đạo đầu tiên của Trung Quốc tham dự cuộc họp nhóm 8 quốc gia công nghiệp phát triển (G-8) tháng 6 vừa qua (dù với tư cách “thành viên đối thoại”).

Một yếu tố quan trọng cuối cùng trong cách nghĩ mới của Trung Quốc là sự chấp nhận gần đây, dù miễn cưỡng, rằng thế giới hiện tại vẫn mang tính đơn cực và ưu thế áp đảo của Hoa Kỳ sẽ tiếp tục tồn tại trong nhiều thập kỷ. Mặc dù các lãnh đạo Trung Quốc công khai nói rằng đa cực hóa là xu thế thời đại (và chỉ trích chính sách đơn phương của Mỹ), các nhà phân tích Trung Quốc giờ thừa nhận rằng quốc gia của họ không thể (hoặc sẽ không) thách thức ưu thế toàn cầu của Hoa Kỳ trong thời gian sắp tới, mặc dù những vận động như

vậy có xảy ở châu Á không lại ít chắc chắn hơn. Một chuyên gia về chính sách đối ngoại nổi tiếng của Trung Quốc gần đây đã xuất bản một bài báo phân biệt hai khái niệm “quyền lực bá quyền” và “hành vi bá quyền”, và đã ám chỉ rằng Trung Quốc chỉ có thể chấp nhận khái niệm đầu chứ không chấp nhận khái niệm sau. Học giả này lập luận rằng “hòa bình và phát triển” và những mục tiêu kinh tế của Trung Quốc vẫn có thể khởi sắc trong một thế giới đơn cực - bởi vì thực tế đã diễn ra như vậy. Một điều trớ trêu, dù không được nhiều người Trung Quốc thừa nhận, là nền kinh tế nước này đã hưởng lợi rất lớn từ sức mạnh quân sự ưu việt và những nỗ lực của Mỹ nhằm duy trì tình trạng ổn định ở châu Á trong suốt 20 năm qua.

Đối ngoại phục vụ đối nội?

Cũng quan trọng không kém những xu thế này chính là việc Trung Quốc vẫn phải đối mặt với với những trở ngại nghiêm trọng trong việc đạt được một vị thế cao, chưa nói đến vị thế áp đảo, trong cộng đồng quốc tế. Cho đến nay, chính sách đối ngoại của Trung Quốc vẫn phục vụ cho các mục đích đối nội của các nhà lãnh đạo, cụ thể là tăng cường, cải cách, và đảm bảo sự tồn tại của hệ thống chính trị kiểu Lê-nin-nít đang trong thời kỳ quá độ. Thậm chí khi chính sách đối ngoại của đất nước đã năng động hơn thì tình hình trong nước vẫn không chắc chắn, vì các nhà lãnh đạo vẫn đang phải vật lộn với những thay đổi chính trị, xã hội và kinh tế do thời kỳ quá độ mang lại.

Như đại dịch SARS đã chứng minh, hệ thống chính trị Trung Quốc vẫn còn thiếu minh bạch và có thể đe dọa nền kinh tế và cuộc sống của các quốc gia láng giềng. Sự vụng về lúc đầu của Bắc Kinh trong cuộc khủng hoảng nhanh chóng làm xói mòn thiện chí đối với Trung Quốc trong khu vực châu Á- Thái Bình Dương. Nhấn mạnh vào sự ổn định nội bộ, các lãnh đạo của quốc gia này ban đầu đã phớt lờ căn bệnh này, tạo điều kiện cho nó lây lan bằng cách che giấu thông tin. May mắn là cuộc khủng hoảng đã khiến những lãnh đạo này nhạy cảm hơn đối với sự hội nhập chặt chẽ của Trung Quốc vào cộng đồng quốc tế.

Mặc dù có những hạn chế như vậy, chính sách ngoại giao mới của Trung Quốc chắc chắn sẽ tiếp tục, đem đến cho các nhà hoạch định chính sách Mỹ và châu Á cả cơ hội lẫn thách thức. Sự tham gia tích cực của Trung Quốc vào các thể chế quốc tế tạo ra nhiều cơ hội hợp tác hơn trong các vấn đề then chốt. Hơn nữa, Trung Quốc giờ đây cũng đóng góp nhiều nguồn lực và ảnh hưởng hơn. Khi lợi ích của Trung Quốc trong cộng đồng quốc tế được mở rộng và tự nó theo đuổi các lợi ích nước lớn, Trung Quốc đang dần tham gia nhiều hơn vào các nỗ lực chống lại các đe dọa an ninh truyền thống lẫn phi truyền thống. Vai trò lãnh đạo của Bắc Kinh trong việc giải quyết khủng hoảng hạt nhân Triều Tiên là một ví dụ. Các nhà lãnh đạo Mỹ nên khuyến khích sự mở rộng hợp tác như vậy đối với các vấn đề an ninh khác, nhằm giải tỏa các nhận thức đe dọa lẫn nhau và xây dựng lòng tin cho cả hai bên. Những nỗ lực như thế sẽ đóng vai trò quan trọng đối với việc ổn định hóa môi quan hệ song phương vốn nổi tiếng bởi sự lên xuống thất thường.

Dù sao, người Mỹ cũng nên nhớ rằng thậm chí khi Trung Quốc can dự nhiều hơn thì quốc gia này cũng đang ngày càng điều luyện hơn trong việc sử dụng chính sách và quan hệ đối ngoại để phục vụ cho lợi ích quốc gia. Trung Quốc ngày nay chắc chắn là khôn ngoan và tinh vi hơn, nhưng không nhất thiết phải tốt bụng và ôn hòa hơn. Các kỹ năng mới của Bắc Kinh đôi khi có thể làm thất bại các mục tiêu của Washington, vì Trung Quốc đang có khả năng tốt hơn trong việc làm xói mòn, và có nguy cơ thách thức, các chính sách của Hoa Kỳ và các đồng minh. Do đó, cần xem khả năng của Trung Quốc trong việc thường xuyên qua mặt Hoa Kỳ trong Ủy ban Nhân quyền Liên Hiệp Quốc những năm gần đây như một hồi chuông cảnh tỉnh. Các nhà hoạch định chính sách và các nhà ngoại giao Mỹ nên chuẩn bị để đối phó với một Trung Quốc có ảnh hưởng lớn hơn trong hàng loạt các thể chế quốc tế. Rốt cuộc, các thể chế này chính là nơi các nhà ngoại giao Trung Quốc ngày càng tập trung sự chú ý và nỗ lực hoạt động.

Trong khi Bắc Kinh gần đây có vẻ sẵn sàng tuân theo các quy tắc và thông lệ quốc tế hơn để theo đuổi những lợi ích của mình, Trung Quốc vẫn không hài lòng với một số khía cạnh của hệ thống quốc tế này, như là ưu thế của Hoa Kỳ và đặc biệt là vị thế của Đài Loan. Washington nên duy trì sự quan tâm đến những sự thất vọng này và định hình mối quan hệ với Bắc Kinh và các quốc gia láng giềng theo cách công nhận thực tế là Trung Quốc đang mở rộng vai trò trong khu vực. Trung Quốc đang trỗi dậy nhanh chóng như một động lực tăng trưởng ở châu Á, nơi mang lại cho nó những ảnh hưởng ngày càng gia tăng. Mặc dù Hoa Kỳ vẫn là người áp đảo về chiến lược ở đây, nhưng Washington cần quan tâm lâu dài đến việc quản lý các mối quan hệ với bạn bè và đồng minh trong khu vực nếu muốn hy vọng duy trì ảnh hưởng của mình.

Nhiệm vụ lâu dài hơn của Hoa Kỳ và toàn thể cộng đồng thế giới là đảm bảo chính sách ngoại giao và những quan điểm mới nổi của Trung Quốc về nền chính trị toàn cầu là phù hợp với sự ổn định và an ninh. Việc cạnh tranh ra mắt với Trung Quốc sẽ có thể làm các nguồn lực của Hoa Kỳ cạn kiệt một cách vô ích và gây khó khăn cho sự xuất hiện một tình trạng cân bằng quyền lực bền vững ở châu Á. Nghịch lý là, việc Trung Quốc ngày càng tăng cường tham gia vào các thể chế quốc tế đem lại một công cụ mới để gây ảnh hưởng đến quan điểm và sự theo đuổi các lợi ích của quốc gia này, đồng thời bí cũng giúp Trung Quốc tạo ra ảnh hưởng đối với các quốc gia khác, những nước cũng tham gia vào các tổ chức này.

Trong hai thập kỷ kế tiếp, Trung Quốc sẽ tập trung hàng đầu vào các vấn đề trong nước. Nói cho cùng thì duy trì công cuộc hiện đại hóa chính trị và kinh tế ở quốc gia đông dân nhất thế giới này không phải là một nhiệm vụ nhỏ. Các lãnh đạo hàng đầu của Trung Quốc đã xem 20 năm tới là một cơ hội chiến lược (zhanlue jiyuqi) để phát triển đất nước. Nhưng cộng đồng quốc tế cũng có một cơ hội đang mở ra và các nhà hoạch định chính sách Hoa Kỳ nên tận dụng khôn ngoan điều đó để giải quyết các thách thức và cơ hội mà sự trỗi dậy của Trung Quốc mang lại.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quang đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc các cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đảm ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.

- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luân hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *nghiencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên các trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *nghiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *nghiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *nghiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: nghiencuuquocte@gmail.com.